

Số: 629/BC-SNN

Hoà Bình, ngày 10 tháng 11 năm 2016

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2016**  
**Phương hướng, nhiệm vụ năm 2017**

**A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2016**

Năm 2016, mặc dù thời tiết diễn biến rất bất lợi cho hoạt động sản xuất nông nghiệp (*Như rét đậm, rét hại cuối tháng 1 và đầu tháng 2, ảnh hưởng của bão số 1, số 2 và số 3*) song ảnh hưởng không lớn đến kết quả sản xuất, nhìn chung cây trồng, vật nuôi sinh trưởng và phát triển tốt; Công tác xây dựng nông thôn mới được các cấp, ngành chỉ đạo quyết liệt, đặc biệt là 12 xã đăng ký về đích năm 2016; Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm nông lâm sản và thủy sản được tăng cường; Tổ chức bộ máy ngành nông nghiệp được sắp xếp ổn định theo quy định; Đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn có nhiều khởi sắc; Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh đi vào cuộc sống, vv...

Với sự hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT, sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của tỉnh Ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp, ngành địa phương, đặc biệt là nỗ lực của nông dân, kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn năm 2016 đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Đây là tiền đề hoàn thành kế hoạch giai đoạn 2016-2020, là cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển ngành năm 2017.

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2016:**

**1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành:**

Tích cực tham mưu UBND tỉnh trình Ban thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết Số 04-NQ/TU ngày 26/4/2016, về cải tạo vườn tạp. Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 29/4/2016, về việc phê duyệt Đề án Phát triển sản xuất bưởi đỏ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 06/6/2016, phê duyệt Đề án cải tạo vườn tạp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đến năm 2020; Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 22/06/2016, về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với nông thôn mới tỉnh Hòa Bình đến năm 2020; Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 phê duyệt Kế hoạch hành động Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; Công văn số 492/UBND-NNTN ngày 23/5/2016, về việc hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề tài khoa học nghiên cứu rệp sáp hại cây ăn quả có múi và biện pháp quản lý bền vững.

Sở Nông nghiệp & PTNT đã sớm ban hành kế hoạch số 74/KH-SNN ngày 03/01/2016 chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển ngành nông nghiệp & PTNT năm 2016, cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc ngành, xác định 77 hoạt động trên từng lĩnh vực, phân công cụ thể cho từng phòng, ban, đơn vị thuộc Sở. Chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo sản xuất và thực hiện kế hoạch phát triển ngành<sup>1</sup>. Chủ động đôn đốc các địa phương thực hiện các chính sách phát triển sản xuất trồng trọt, lâm nghiệp, nuôi cá lồng và tiêu thụ nông sản theo các Quyết định số 10, 11, 12 và 33/2015/QĐ-UBND<sup>2</sup>. Tiếp tục thực hiện các chính sách cấp bù thủy lợi phí, hỗ trợ người trồng lúa, Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, chi trả dịch vụ môi trường rừng, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Cụ thể hóa và triển khai giải pháp, chương trình ưu tiên phát triển ngành, kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành trên các lĩnh vực Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản và thủy lợi; Tiếp tục đôn đốc các địa phương xây dựng đề án, kế hoạch tái cơ cấu lĩnh vực nông nghiệp, chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây khác có hiệu quả kinh tế cao hơn. Đôn đốc các huyện, thành phố thành lập Ban chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành.

---

<sup>1</sup> Công văn số 91/SNN-BVTV ngày 29/01/2016, về việc tăng cường chỉ đạo gieo cấy, chăm sóc lúa Chiêm xuân 2015-2016; Công văn số 161/SNN-TL ngày 26/02/2016, về việc tăng cường công tác phòng, chống hạn hán, bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Đông xuân 2015-2016; Công văn số 318/SNN-TT&BVTV ngày 29/03/2016, về việc tăng cường chỉ đạo chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trên lúa vụ Chiêm xuân 2016; Công văn Số 590/SNN-PTNT ngày 27/5/2016, về việc tổ chức thực hiện củng cố, phát triển kinh tế trang trại; Công văn số 591/SNN-TT&BVTV ngày 27/5/2016, về việc tiếp tục phòng trừ rầy hại lúa cuối vụ Chiêm Xuân 2016; Công văn số 516/SNN-TT&BVTV ngày 02/6/2016, về việc tập trung chỉ đạo công tác “thu chiêm. Làm mùa” năm 2016; Công văn số 226/TT&BVTV ngày 18/7/2016, dự báo tình hình sinh vật gây hại chính vụ vụ mùa, hè thu năm 2016; Công văn số 869/TT&BVTV ngày 20/7/2016, v/v tăng cường gieo cấy, chăm sóc lúa mùa và cây màu vụ hè thu 2016; Công văn số 932/SNN-TT&BVTV, ngày 29/7/2016, v/v chủ động khắc phục hậu quả do cơn bão số 1 đối với sản xuất trọt; Công văn số 933/SNN-TT&BVTV, ngày 29/7/2016 xác nhận cơ sở tham gia chuỗi sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn tỉnh; Công văn số 994/SNN-TT&BVTV, ngày 8/8/2016, v/v giao nhận hạt giống rau hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai năm 2015; Công văn số 1216/UBND-NNTN, ngày 28/9/2016, Kế hoạch thực hiện mô hình tổ chức sản xuất và tiêu thụ rau an toàn theo chuỗi giá trị tại xã Dân Chủ, TP. Hòa Bình, giai đoạn 2016-2018, tại văn bản số ; Công văn số 11/SNN-TY ngày 06/01/2016, về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch cúm gia cầm và ngăn ngừa cúm A/H<sub>7</sub>N<sub>9</sub> trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Công văn số 65/SNN-TY ngày 22/01/2016, về việc tăng cường công tác phòng, chống đói, rét cho đàn vật nuôi vụ Đông Xuân 2015-2016; Công văn số 88/SNN-TY ngày 28/01/2016, về việc Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; Kiểm tra và quản lý chất cấm trong chăn nuôi trước, trong và sau tết Bính thân năm 2016; Công văn số 263/SNN-CN&TY ngày 18/03/2016, về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Lở mồm long móng cho gia súc trên địa bàn tỉnh; Công văn số 455/SNN-CCCN&TY ngày 28/04/2016, về việc tăng cường công tác kiểm tra chất cấm và kháng sinh trong chăn nuôi; Kế hoạch số 210/KH-SNN ngày 19/4/2016 thực hiện Chương trình phối hợp giám sát việc thực hiện pháp luật về sản xuất, kinh doanh sử dụng vật tư nông nghiệp năm 2016; Công văn số 30/SNN-QLCL ngày 12/01/2016 về việc tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và ATTP nông lâm thủy sản 2016; Công văn số 366/SNN-QLCL ngày 07/4/2016 về việc triển khai Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

<sup>2</sup> Quyết định 998/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 vốn năm 2015: hỗ trợ nuôi cá lồng 5,98 tỷ cho 201 hộ, 278 lồng (Mai Châu 124 hộ, 125 lồng, TP Hòa Bình 77 hộ, 153 lồng); Trồng cây có múi, rau 5,97 tỷ cho 597 ha (Lạc Thủy 125ha, Kim Bôi 236 ha, Lạc Sơn 167ha, Yên Thủy 69ha). Quyết định 1259/QĐ-UBND ngày 12/5/2016: Trồng cây có múi, rau năm 1 cho 713 ha (Yên Thủy 23ha, Kim Bôi 98ha, Tân Lạc 118,6ha, Lạc Thủy 131ha, Đà Bắc 40 ha, Lạc Sơn 257,4ha, TP Hòa Bình 35,8ha, Cao Phong 7,9ha). Hỗ trợ 4 làng nghề đã được công nhận; Quyết định số 1178/QĐ-UBND, ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh, về việc Phê duyệt Đề án Phát triển sản xuất bưởi đỏ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2016-2020; Quyết định 1590/QĐ-UBND ngày 20/6/2016, Kế hoạch năm 2016: Hỗ trợ trồng cây có múi và rau an toàn 13.090 triệu đồng, khối lượng: 1.309 ha, trên địa bàn 07 huyện Yên Thủy, Kim Bôi, Lạc Thủy, Lạc Sơn, Tân Lạc, Đà Bắc, Cao Phong và thành phố HB. Trong đó: Năm thứ nhất: 711,8 ha (rau an toàn: 24 ha); năm thứ 2: 597,3 ha; Hỗ trợ làng nghề 1.130,026 triệu đồng.

## **2. Kết quả thực hiện mục tiêu tổng quát:**

Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh thực hiện, tốc độ tăng trưởng của ngành đạt 4,7% vượt 0,2% so với kế hoạch và cùng kỳ; Nông thôn ngày càng khang trang, mỗi xã trung bình đạt 12 tiêu chí nông thôn mới, tăng 0,42 tiêu chí so với năm 2015; thêm 6 xã đạt 19 tiêu chí nông thôn mới nâng số xã về đích là 37 xã chiếm 19,37% số xã toàn tỉnh; Có thêm 2% số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nâng tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh lên 88%, đạt kế hoạch đề ra; Chất lượng nông sản hàng hóa được quan tâm; Số doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn có chiều hướng tăng mạnh, các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp từng bước thúc đẩy sản xuất nông nghiệp trên địa bàn; Môi trường sinh thái được bảo đảm, độ che phủ rừng đạt 51,2% vượt 4,13% kế hoạch năm đề ra; Nếu không có diễn biến bất lợi cho sản xuất, đảm bảo tiến độ giải ngân các chương trình dự, dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 đều đạt và vượt so kế hoạch đề ra.

## **3. Kết quả sản xuất nông nghiệp và thủy sản:**

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đã vượt qua nhiều khó khăn do thời tiết và dịch bệnh trong những tháng đầu năm diễn biến bất thuận, bảo đảm sản xuất phát triển. Giá trị sản xuất toàn ngành (Giá HH) cả năm ước đạt 12,37 nghìn tỷ đồng, tăng 9,5% so năm 2015 vượt 1,17% KH đề ra.

### **3.1. Về trồng trọt - Bảo vệ thực vật:**

Giá trị sản xuất theo giá cố định đạt 5 nghìn tỷ đồng tăng 3,8% so cùng kỳ; Giá trị sản xuất hiện hành ước đạt 7,68 nghìn tỷ đồng tăng 7,9% so với năm 2015, vượt 0,21% kế hoạch; chiếm tỷ trọng 73,09 % giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, cơ cấu giảm vượt 2% cùng kỳ. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt ước đạt 118 triệu đồng tăng 14 triệu đồng so với năm 2015, chủ yếu do diện tích cây có múi bước vào thời kỳ kinh doanh tăng 410 ha.

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 125,41 nghìn ha vượt 0,17% kế hoạch; trong đó diện tích cây lương thực có hạt 77,9 nghìn ha, sản lượng 37,6 vạn tấn vượt 2,89% cùng kỳ. An ninh lương thực được đảm bảo, cơ cấu cây trồng được chuyển đổi theo hướng tích cực, các địa phương đã chủ động chuyển đổi 700 ha đất lúa không chủ động nước tưới sang trồng các cây trồng cạn.

Vùng sản xuất tập trung cây lợi thế như cam, bưởi, nhãn, rau an toàn tăng mạnh<sup>3</sup>; Diện tích canh tác cho thu nhập cao, mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản xuất hiện ngày càng nhiều<sup>4</sup>.

*Tình hình dịch bệnh cây trồng:* Công tác dự tính, dự báo dịch hại cây trồng được thực hiện sớm ngay từ đầu năm, đầu vụ, tăng cường tính hiệu quả trong công tác phòng trừ dịch hại, đẩy mạnh phong trào diệt chuột bằng mọi biện pháp,

---

<sup>3</sup> Cam kinh doanh 1.500 nghìn ha cho thu nhập trên 400 triệu đồng/ha/năm, bưởi đỏ hơn 350 ha cho thu nhập trên 300 triệu đồng/ha/năm; mía tím, mía ép nước trên 7,5 nghìn ha cho thu nhập trên 150 triệu đồng/ha/năm; Mướp đắng, bí xanh trên 700 ha cho thu nhập trên 120 triệu đồng/vụ.

<sup>4</sup> Công ty Pacific; Công ty cổ phần Skyfarm; Tổng Công ty thương mại Hà Nội (Hapro).

vv...Kết quả trong năm cây trồng được đảm bảo an toàn, dịch hại ở mức độ thấp không làm ảnh hưởng đến năng suất cũng như chất lượng sản phẩm trồng trọt.

### 3. 2. Về chăn nuôi - Thú y:

Giá trị sản xuất theo giá cố định đạt 1,47 nghìn tỷ đồng, tăng 6,8% cùng kỳ, vượt 0,37% kế hoạch; Giá trị sản xuất hiện hành 2,77 nghìn tỷ đồng tăng 13,12% so cùng kỳ, vượt 3,76 kế hoạch; chiếm tỷ trọng 26,4 % giá trị sản xuất nông nghiệp. Vùng chăn nuôi lợn, gia cầm tập trung được thực hiện theo quy hoạch; Chăn nuôi trang trại, công nghiệp hiệu quả cao, an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường được các địa phương quan tâm thực hiện<sup>5</sup>. Tổng đàn gia súc, gia cầm có bước tăng khá, cao điểm là quý IV năm 2016, theo báo cáo của các huyện, thành phố tổng đàn vật nuôi hiện có 176,2 nghìn con trâu, bò (*trâu 108,7 nghìn con, bò 67,5 nghìn con*), lợn 629 nghìn con, dê 30,4 nghìn con, gia cầm gần 5,8 triệu con. Tổng sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng đạt 43,9 nghìn tấn, sản lượng trứng 37,5 triệu quả.

Sản xuất và sử dụng thức ăn chăn nuôi công nghiệp được tăng cường. Công tác quản lý về thức ăn chăn nuôi được quan tâm, chưa phát hiện có thức ăn giả, kém chất lượng, chứa chất cấm buôn bán trên thị trường. Một số giống cỏ năng suất cao được phát triển trồng.

Phát triển cơ sở an toàn dịch cung cấp tinh giống, con giống đạt chất lượng phục vụ nhu cầu sản xuất trong và ngoài tỉnh. Kiểm soát và phòng chống dịch bệnh chăn nuôi, thực hiện kế hoạch hành động Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong nông nghiệp<sup>6</sup>.

*Tình hình phòng chống dịch bệnh:* Tính từ đầu năm 2016 đến nay tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi của tỉnh khá ổn định; Một số bệnh có xảy ra ở mức độ nhỏ, lẻ tại một số địa phương trong tỉnh song được khống chế kịp thời, không để lây lan ra diện rộng. Công tác tiêm vắc xin phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch, kiểm soát vận chuyển, kiểm soát giết mổ động vật, vv... được đảm bảo đúng và vượt kế hoạch đề ra. Kết quả đã tiêm được 275.209 liều vắc xin các loại cho đàn trâu, bò đạt 210%KH; 140.132 liều vắc xin cho đàn lợn, vượt gần 20%KH; 2.418.137 liều vắc xin cho đàn gia cầm, đạt 106%KH; và 97.454 liều vắc xin đại chó đàn chó nuôi, đạt gần 102%KH.

### 3. 3. Về thủy sản:

---

<sup>5</sup> Đến thời điểm hiện tại trên địa bàn tỉnh có 68 cơ sở chăn nuôi gà quy mô lớn (trong đó 55 cơ sở chăn nuôi gà thương phẩm với quy mô từ 3.000-10.000 con/chuồng/lứa sản xuất được khoảng 2.061.000 con xuất chuồng/năm với sản phẩm thịt hơi khoảng 5.770 tấn; 01 trang trại chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm quy mô 120.000 con từ đầu năm sản xuất được hơn 8 triệu quả trứng; 04 trại gà giống: 01 trại của Công ty gà giống Hòa Bình tại xã Tân Thành, huyện Lương Sơn quy mô 60.000 con, một năm cung cấp khoảng 6 triệu con gà giống; 01 trại gà giống của Công ty cổ phần NCK tại thị trấn Thanh Hà, huyện Lạc Thủy với quy mô 10.000 con, một năm cung cấp khoảng 1 triệu con gà giống; 02 Trại gà giống của Công ty Cổ phần chăn nuôi CP (Trại Lương Sơn III có quy mô 13.000 con gà giống bố mẹ, cung cấp khoảng 2,5 triệu quả trứng giống; trại gà giống Yên Thủy quy mô 100.000 con một năm cung cấp khoảng 9.600.000 quả trứng giống; 20 trang trại chăn nuôi lợn nái và hậu bị quy mô từ 300 - 3.000 con cung cấp khoảng 150.000 con lợn giống/năm và 19.100 con lợn hậu bị/năm. Bên cạnh đó hiện đang có nhiều các gia trại chăn nuôi trong nông hộ phát triển chăn nuôi một số con nuôi đặc sản như: lợn bản địa, Don, Nhim và nhiều gia trại chăn nuôi các con đặc sản khác.

<sup>6</sup> Kế hoạch số 194/KH-SNN ngày 08/4/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai Năm cao điểm thanh tra về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

Giá trị sản xuất theo giá cố định đạt 234 tỷ đồng, tăng 13,6% so cùng kỳ, vượt 0,6% kế hoạch. Giá trị hiện hành 420 tỷ đồng, tăng 14,24% cùng kỳ, vượt 4,01% kế hoạch; chiếm 4,0% giá trị sản xuất toàn ngành. Diện tích nuôi trồng thủy sản 2,8 nghìn ha tăng 350 ha so với năm 2015, chủ yếu là mặt nước các hồ chứa thủy lợi kết hợp nuôi trồng thủy sản. Số lồng nuôi cá 3,85 nghìn lồng tăng 1,5 nghìn lồng so với năm 2015. Sản lượng thủy sản 7,3 nghìn tấn, trong đó khai thác 1,6 nghìn tấn, nuôi trồng 5,7 nghìn tấn. Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 150 triệu đồng tương đương cùng kỳ.

Công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản được tăng cường, hiện tượng sử dụng xung điện, chất nổ, chất độc để khai thác thủy sản giảm đáng kể, không khai thác khu vực cá tập trung đến để trúng vào mùa sinh sản và thả giống cá bổ sung nguồn lợi thủy sản.

#### **4. Về lâm nghiệp:**

Giá trị sản xuất theo giá cố định đạt 957,8 tỷ đồng, vượt 6,13% cùng kỳ và 0,64% kế hoạch; Giá trị sản xuất hiện hành 1,37 nghìn tỷ đồng tăng 10,1% cùng kỳ, vượt 2,89% kế hoạch, chiếm 11,18% giá trị sản xuất toàn ngành. Trồng rừng 8,06 nghìn ha, vượt 12,36% kế hoạch; Sản lượng gỗ khai thác rừng trồng 301 nghìn m<sup>3</sup> (tăng 9,3% so với năm 2015); Bảo vệ rừng đạt hơn 91.000 ha, diện tích rừng trồng được chăm sóc 25,2 nghìn ha; Độ che phủ rừng 51,2% (tăng 2,4% so với năm 2015); Sản xuất được gần 11 triệu cây giống các loại phục vụ kế hoạch trồng rừng; Làm tốt công tác phòng chống cháy rừng, trong năm không có cháy rừng xảy ra.

Phối hợp với các ngành chức năng xử lý 70 vụ vi phạm luật bảo vệ và pháp triển rừng. Tịch thu 46,015m<sup>3</sup> gỗ; 09 cửa xăng; 08 xe máy, thu nộp ngân sách (tính đến hết tháng 10) hơn 411 triệu đồng.

#### **5. Công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản:**

\* *Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật* : Trong năm 2016 đã tổ chức 141 hội nghị, hội thảo, tập huấn, tọa đàm cho 6.666 lượt người tham gia; In, phát 48.000 tờ rơi; 225 băng rôn, khẩu hiệu; 26 tin, bài báo; 227 clip, phóng sự phát trên truyền thanh, truyền hình, loa phát thanh tỉnh.

\* *Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm*: Đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 1.084 lượt cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm, thủy sản, phát hiện 265 lượt cơ sở vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính 80 vụ với tổng số tiền là 142.490.000 đồng. Tổ chức lấy 262 mẫu sản phẩm nông lâm thủy sản để kiểm định chất lượng, an toàn thực phẩm, kết quả 16/262 mẫu không đảm bảo an toàn thực phẩm chiếm 6,61%; 1.246 mẫu nước tiểu lợn và sản phẩm nông lâm thủy sản để thực hiện test thử nhanh mang tính chất sàng lọc; 99 mẫu vật tư nông nghiệp, kết quả 03/49 mẫu không đảm bảo chất lượng, 50 mẫu khác đang chờ phân tích; Công khai kết quả kiểm tra đánh giá 77 cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản trên Website Sở Nông nghiệp và PTNT.

#### **6. Lĩnh vực phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới:**

Trong năm thêm 06 xã<sup>7</sup> về đích, hiện có 37 xã đạt 19 tiêu chí nông thôn mới, chiếm 19,37% tổng số xã tăng 3,14% so với năm 2015; bình quân mỗi xã đạt 12 tiêu chí, tăng 0,42 tiêu chí/xã đạt kế hoạch đề ra, có 12 xã đạt từ 15-18 tiêu chí; 89 xã đạt từ 10-14 tiêu chí; 53 xã đạt 6-9 tiêu chí; không còn xã đạt dưới 6 tiêu chí. Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn 28,56% tăng 2,56% do điều chỉnh theo chuẩn nghèo đa chiều; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 1,5 triệu đồng/người/tháng.

Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 88%, tăng 2% so với năm 2015, đạt kế hoạch đề ra; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh 68%, tăng 3% so năm 2015.

- Về phát triển kinh tế hợp tác: Hiện có 96 hợp tác xã nông nghiệp giảm 19 hợp tác xã. (Trong đó có 30 hợp tác xã xếp loại khá chiếm 31%; 47 hợp tác xã xếp loại trung bình chiếm 48%; 19 hợp tác xã xếp loại yếu kém chiếm 21%. Bình quân 35 thành viên/01 HTX, chủ yếu là thành viên đại diện hộ gia đình, chiếm 98,2%), còn lại là các thành phần khác, sau khi chuyển đổi, tổ chức lại hoạt động số lượng thành viên các hợp tác xã đã giảm xuống, chỉ còn các thành viên có khả năng góp vốn là tham gia hoạt động hợp tác xã.

- Về tổ hợp tác: Hiện có 173 tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy lợi với 3.039 xã viên, giảm 37 tổ hợp tác so với cùng kỳ; Có 158 tổ hợp tác ký hợp đồng hợp tác qua Ủy ban nhân dân xã.

- Về lĩnh vực kinh tế trang trại: Hiện có 141 trang trại, giảm 10 trang trại so với cùng kỳ; trong đó có 66 trang trại tổng hợp chiếm tỷ lệ 46%; 52 trang trại chăn nuôi chiếm 37%; 8 trang trại trồng trọt chiếm 6%.

Trong năm công nhận thêm 1 làng nghề, nâng số làng nghề hiện có 6 làng nghề. Tham mưu và thẩm định thực hiện phân bổ vốn, thẩm định nội dung các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất vốn kế hoạch thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135; Bố trí sắp xếp lại dân cư cho 124 hộ dân theo hình thức tập trung và xen ghép<sup>8</sup>.

## **7. Công tác thủy lợi:**

Các công trình thủy lợi được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, diện tích phục vụ tưới tăng lên, diện tích cây hàng năm được tưới chủ động là 48,9 nghìn ha; trong đó diện tích lúa 2 vụ là 38,4 nghìn ha, màu 2 vụ là 8,7 nghìn ha, cây ăn quả là 1,63 nghìn ha; 45 km đê các loại được bảo vệ không có thiệt hại tài sản và tính mạng, không để xảy ra các sự cố về đê điều khi nước lũ lên cao. Các hồ chứa được đảm bảo an toàn, đã huy động các nguồn vốn đầu tư sửa chữa nâng cấp các

---

<sup>7</sup> Kết quả tính đến hết năm 2015 bình quân tiêu chí nông thôn mới của các xã đăng ký về đích (12 xã) đạt 14,41 tiêu chí/xã (trong đó: 02 xã đạt 17 tiêu chí; 01 xã đạt 16 tiêu chí; 03 xã đạt 15 tiêu chí; 04 xã đạt 14 tiêu chí; 01 xã đạt 12 tiêu chí; 01 xã đạt 10 tiêu chí).

<sup>8</sup> Bố trí di chuyển 70 hộ tại hai xã Tân Mai, Phúc Sơn huyện Mai Châu đến tái định cư tại Đội 4, Công ty TNHH một thành viên Sông Bôi, xã Đông Tâm, huyện Lạc Thủy; 54 hộ di dân xen ghép tại các huyện Mai Châu, Đà Bắc đến vùng an toàn ổn định cuộc sống. Do nguồn vốn bố trí còn hạn chế chưa bố trí đủ kinh phí nên 6 tháng đầu năm chưa tổ chức bố trí ổn định cuộc sống cho các hộ dân.

hồ chứa vừa và nhỏ, đảm bảo an toàn hồ chứa. Hệ thống công trình thủy lợi nội đồng được nâng cấp, nâng cao khả năng phục vụ nhu cầu tưới, tiêu cho cây trồng.

Quy hoạch thủy lợi, quy hoạch phòng chống lũ cho các tuyến sông có đề, quy hoạch đề điều được quản lý và thực hiện tốt.

Hệ thống sản xuất và kinh doanh giống từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất trong tỉnh; Hạ tầng giống và nuôi trồng thủy sản ngày càng phát triển.

#### **8. Bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường:**

Tăng độ che phủ rừng lên 51,2%; Diện tích rừng trồng mới 8,056 nghìn ha vượt 12,3% kế hoạch. Diện tích cây trồng bị hạn 9,4 ha; mức sử dụng phân trên 1 ha đất nông nghiệp 550 kg/ha; thả bổ sung nguồn lợi thủy sản hồ Hòa Bình 37 tấn cá các loại; Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh 16.8 nghìn ha, bảo vệ trên 91 nghìn ha.

Nhận thức của người dân địa phương, các chủ rừng được nâng lên đã giảm nguy cơ cháy rừng, chữa cháy rừng kịp thời, giảm thiểu thiệt hại do cháy rừng gây ra. Triển khai tốt công tác kiểm tra, tham mưu, chỉ đạo các địa phương tích trữ nước hợp lý, sử dụng nước tiết kiệm, chủ động chuyển diện tích cây lúa không đảm bảo nguồn nước sang trồng cây giá trị kinh tế cao hơn.

Các địa phương triển khai tốt công tác tích trữ nước hợp lý, sử dụng nước tiết kiệm. Các tuyến đê cấp III và cống dưới đê Đà Giang, đê Quỳnh Lâm được kiểm tra xuyên đã kịp thời ngăn chặn vi phạm Luật đê điều. Ứng trực phòng chống thiên tai được duy trì 24/24 nắm bắt thông tin và tham mưu kịp thời cho UBND tỉnh chỉ đạo khi có tình huống xảy ra.

#### **9. Hoạt động các dự án XDCB do Sở làm chủ đầu tư:**

Ngày 04/8/2016, UBND tỉnh Hòa Bình ban hành quyết định số 1967/QĐ-UBND, về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Hòa Bình (Trên cơ sở hợp nhất 03 ban quản lý dự án thuộc sở Nông nghiệp và PTNT: *Ban quản lý dự án XDCB ngành nông nghiệp và PTNT; BQL dự án vùng hồ Sông Đà; BQLDA phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía bắc tỉnh Hòa Bình*).

Căn cứ Quyết định số 2459/QĐ-UBND, ngày 26/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc thành lập “Ban Quản lý dự án xây dựng và tu bổ các công trình nông nghiệp và PTNT”; Quyết định số 2414/QĐ-UBND, ngày 13/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng đang triển khai thực hiện về các ban QLDA chuyên ngành; Quyết định số 2643/QĐ-UBND, ngày 18/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, phê duyệt điều chỉnh danh mục dự án đầu tư bàn giao cho Ban QLDA chuyên ngành.

Sở Nông nghiệp và PTNT được giao thực hiện các công trình từ nguồn vốn vay ngân hàng phát triển Châu á ADP; Dự án thành phần cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7); Hợp phần 1 ”Cấp nước cho cộng đồng dân cư” thuộc Dự án Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (ngày

10/3/2016) do ngân hàng thế giới tài trợ; Dự án Tu bổ đê thường xuyên tỉnh Hòa Bình hàng năm, kế hoạch từ năm 2017; Đường lâm nghiệp kết hợp công vụ, đường ranh cản lửa huyện Tân Lạc, Lạc Sơn, Lạc Thủy và Kỳ Sơn. Các công trình đang được triển khai thực hiện theo quy định.

#### **10. Các nhiệm vụ chuyên môn khác:**

- Duy trì chuyên mục Khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng (Đã thực hiện 19 chuyên mục phát trên Đài PTTH tỉnh, 17 bài viết trên đài phát thanh, 25 bài trên báo Hòa Bình, 35 bài cho chuyên trang Khuyến nông Quốc gia, cung cấp báo Hòa Bình cho 202 xã của tỉnh); Thực hiện 13 dự án khuyến nông với kinh phí hơn 3,27 tỷ đồng, 11 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Phối hợp với Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống cây trồng Quốc Gia thực hiện khảo nghiệm cơ bản 213 giống lúa và 70 giống ngô. Kết quả đáng giá được 27 giống lúa có triển vọng, các giống ngô đều có khả năng thích ứng với điều kiện sinh thái của tỉnh. Sản xuất được trên 40 tấn lúa giống; Tiêu thụ được 60 vạn giống cây lâm nghiệp, 5 vạn cây giống ăn quả có múi; Cung ứng được 19,6 triệu con và 8,2 tấn cá các giống các loại, 15.000 liều tinh lợn ngoại.

- Tổng lượng giống lúa cung ứng từ các nguồn khoảng gần 1.800; Tổng lượng giống ngô cung ứng khoảng gần 700 tấn; Lượng phân bón các loại cung ứng từ các nguồn gần 260 nghìn tấn.

- Đã thẩm định 52 gói thầu, 06 dự án; Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán 10 công trình; Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật 53 công trình.

- Trong năm đã tiếp 01 lượt gồm 7 công dân đến kiến nghị, phản ánh về một số lĩnh vực công tác của Sở, xử lý dứt điểm 13 đơn thư các loại. Đã tiến hành 06 cuộc thanh tra kinh tế xã hội; Đã tổ chức 72 cuộc thanh tra chuyên ngành, kiểm tra trên 500 cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp, đã xử phạt 77 tổ chức và cá nhân vi phạm với số tiền là 497,9 triệu đồng.

- Tiếp tục thực hiện kiểm soát TTHC theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ. Triển khai thực hiện các TTHC đã được UBND tỉnh công bố, đã thực hiện công khai và niêm yết nội dung của 100/100 TTHC (đạt 100%) số TTHC được UBND tỉnh công bố theo quy định thuộc lĩnh vực nông nghiệp và PTNT, đảm bảo cung cấp dịch vụ công tối thiểu mức độ 2 theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ. Đến hết tháng 10/2016, đã tiếp nhận và xử lý 163 hồ sơ một cửa, các hồ sơ được giải quyết trước hạn quy định, không có TTHC quá hạn).

- Đã tiếp nhận và xử lý 9.007 văn bản đến các loại, đã ban hành 3.245 văn bản để chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

- Công tác cán bộ: Đã cử tham gia bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên 8 người; Chuyên viên chính 03 người; Tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn 25 người; Cử 03 cán bộ theo học thạc sỹ, 01 cán bộ đào tạo Cao



cấp LLCT hệ tập trung, 04 cán bộ đào tạo Cao cấp LLCT hệ tại chức, vv... Thực hiện công tác cán bộ khác theo quy định.

- Thực hiện ủng hộ các Quỹ đền ơn đáp nghĩa; Quỹ vì người nghèo; Quỹ toàn dân chăm sóc người cao tuổi; Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh; Quỹ phòng chống thiên tai; Ủng hộ bão lũ miền trung; Ủng hộ nhân dân vùng bị thiệt hại do biến đổi khí hậu; Nhận phụng dưỡng suốt đời 01 bà mẹ Việt Nam anh hùng, vv... Với tổng kinh phí trên 200 triệu đồng.

## **11. Một số tồn tại và nguyên nhân.**

### **\* Tồn tại :**

- Thực hiện các chính sách tại cơ sở còn chậm so với yêu cầu, nhất là thực hiện cánh đồng lớn, cải tạo vườn tạp, giảm tồn thất trong nông nghiệp, cơ giới hóa; quản lý quy hoạch chưa chặt chẽ; xây dựng và ban hành đề án tái cơ cấu lĩnh vực nông nghiệp tại các địa phương chậm.

- Việc thực hiện giải thể công ty Cứu Long, tìm nhà đầu tư chiến lược và phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới với 4 công ty Thanh Hà, Sông Bôi, Cao Phong, 2/9 còn chậm so với yêu cầu.

- Tăng trưởng chủ yếu do tăng sản lượng nông sản truyền thống. Kinh tế hộ cá thể vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong ngành, chưa thúc đẩy được vai trò đầu tàu của doanh nghiệp trong sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Trong khi hoạt động của các HTX, THT còn rời rạc, kém hiệu quả.

- Hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu cho sản xuất hàng hóa, tập trung; khả năng tiếp cận và áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, công nghệ cao hạn chế.

- Đầu tư cho sản xuất còn hạn chế, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao mới chiếm tỷ lệ thấp; việc dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất tạo cánh đồng lớn để sản xuất sản phẩm tập trung còn hạn chế.

- Chuyển dịch lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp còn chậm; thu nhập của nông dân còn thấp so với khu vực kinh tế khác, nhất là ở miền núi, chênh lệch giàu nghèo gia tăng, yêu cầu việc làm ngày càng bức xúc.

- Rủi ro trong sản xuất cao do vật tư đầu vào sản xuất khó kiểm soát, nông sản đầu ra chủ yếu bán thô, lệ thuộc vào tư thương và sự biến động của thị trường.

### **\* Nguyên nhân:**

- Xuất phát điểm phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn của tỉnh Hoà Bình nói chung còn thấp, CSHT chưa phát triển, đầu tư công còn thấp so với nhu cầu sản xuất; hàm lượng khoa học kỹ thuật thấp nên hiệu quả đầu tư chưa cao. Hơn nữa diễn biến bất thường của thời tiết, dịch bệnh, thị trường... là những yếu tố khách quan tác động đến phát triển ngành.

- Nhận thức chưa đầy đủ về vai trò và vị trí của nông nghiệp, nông thôn cũng như tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới tại các địa phương cũng ảnh hưởng đến sự phát triển ngành trong thời gian qua; việc triển khai các chủ trương, chính sách đến người dân còn chậm; Tập quán sản xuất lạc hậu, tư duy, tâm lý sản

xuất nhỏ, tự cung tự cấp còn tồn tại ở một số đại phương trong tỉnh, nhất là những vùng sâu vùng xa.

## **B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2017**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục xây dựng nền nông nghiệp phát triển theo hướng toàn diện, hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn giá trị gia tăng cao trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất, thực hiện tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn; chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

### **2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

Tốc độ tăng GRDP nông lâm thủy sản 4,5%; Sản lượng lương thực có hạt 36 vạn tấn ổn định độ che phủ rừng 51,2%; tăng mỗi xã bình quân 1 tiêu chí nông thôn mới, nâng số tiêu chí nông thôn mới trung bình mỗi xã đạt 13 tiêu chí nông thôn mới xã; có thêm 6 xã về đích nông thôn mới; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh 90%; Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm 3%. Tăng tỷ trọng GTSX ngành thủy sản tăng 0,29%, lâm nghiệp 0,1% trong cơ cấu toàn ngành, tăng tỷ trọng GTSX chăn nuôi 0,4% trong cơ cấu ngành nông nghiệp.

### **3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện**

- Đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất mới có hiệu quả đã được kiểm chứng; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng cường chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất, hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao, thân thiện với môi trường; Sản xuất lấy mục tiêu là nâng cao chất lượng, hiệu quả, có giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu trên cơ sở phát triển các sản phẩm lợi thế so sánh như cam, bưởi, mía, rau an toàn, cá sông đà, đại gia súc.

- Triển khai thực hiện phát huy hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp; nông thôn, môi trường; các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm đã được UBND tỉnh ban hành.

- Tăng cường năng lực hệ thống thú y, bảo vệ thực vật có đủ năng lực chủ động phòng chống các loại dịch bệnh cây trồng, vật nuôi. Hướng dẫn nông dân thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Khai thác tối đa các dịch vụ môi trường rừng như phòng hộ đầu nguồn, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, các công trình thủy điện, nước sinh hoạt... để tạo nguồn thu tái đầu tư bảo vệ và phát triển rừng.

- Tăng cường các nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi tập trung.

- Kiểm soát tốt chất lượng nông lâm sản ngay từ khâu cung cấp đầu vào từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ; Tổ chức triển khai đợt cao điểm hành động năm Vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT, Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, tập trung vào đơn giản hóa thủ tục hành chính; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, đổi mới phương thức điều hành.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Bộ Nông nghiệp và PTNT./.

***Nơi nhận :***

- Bộ NN&PTNT;
  - T.T Tỉnh ủy;
  - T.T HĐND tỉnh;
  - T.T UBND tỉnh;
- } Báo cáo
- Sở KH-ĐT, Cục TK, Ban TĐKT (Sở Nội vụ), Phòng An ninh KT ( PA 81.CA Tỉnh);
  - Lãnh đạo sở;
  - Đảng ủy Sở, CĐ ngành;
  - Các phòng thuộc Sở;
  - Lưu: VT, KHTC (T.25b).